

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 31



Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 31

SGC

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 ("Công ty"), tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm 3/2, được thành lập theo Quyết định số 108/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 3 năm 1993. Công ty được chấp thuận chuyển sang hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 789/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ và chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103000613 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 24 tháng 9 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại số 601 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hidekazu Yokote	Chủ tịch Thành viên	bỗ nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2015 bỗ nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2015 và miễn nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2015
Ông Đoàn Minh Thư	Thành viên Chủ tịch	bỗ nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2015 bỗ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2015 và miễn nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2015
Ông Akihisa Ono Ông Kenji Takahashi Bà Nguyễn Thị Châu Oanh	Thành viên Thành viên Thành viên	bỗ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2015 bỗ nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2015 bỗ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2015 miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2015
Bà Trần Thị Thanh Hương Ông Võ Thanh Tùng Ông Nguyễn Thanh Sử	Thành viên Thành viên Thành viên	bỗ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2015 và miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2015 bỗ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015 và miễn nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2015 miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Lê Thanh Sử Ông Trần Vũ Ngọc Tường	Chủ tịch Thành viên	bỗ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015 và miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2015 bỗ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015 và miễn nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2015
Ông Lê Phi Long	Thành viên	bỗ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2015 và miễn nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Huy Cường	Thành viên	bỗ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015 và miễn nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Minh Đức Ông Anthony Nguyễn	Thành viên Thành viên	miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015 miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Thiện Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn Ông Nguyễn Tân Lộc	Trưởng ban Thành viên Thành viên
---	--

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Châu Oanh	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2015 bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2015 và miễn nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2015 miễn nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2015 bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2015 và miễn nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2015 bổ nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2015 miễn nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2015
Ông Đoàn Minh Thư	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Thanh Sử	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kenji Takahashi	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2015
Bà Lý Thị Thanh Vân	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Bà Nguyễn Thị Châu Oanh	bổ nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2015
Ông Đoàn Minh Thư	bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2015 và miễn nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2015
Ông Lê Thanh Sử	miễn nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐÓI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2016



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61085348/17793708

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 ("Công ty") được lập ngày 15 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc. Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1

Huỳnh Phát An
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3168-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		75.727.143.057	98.463.731.428
110	<i>I. Tiền</i>	4	14.632.461.803	11.899.894.859
111	1. Tiền		14.632.461.803	11.899.894.859
130	<i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		23.827.386.442	34.752.590.699
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	24.604.478.408	34.891.528.228
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		116.150.500	196.080.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	867.900.451	1.202.046.091
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6	(1.761.142.917)	(1.537.063.620)
140	<i>III. Hàng tồn kho</i>	7	37.026.261.771	49.305.419.800
141	1. Hàng tồn kho		37.274.635.247	49.305.419.800
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(248.373.476)	-
150	<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>		241.033.041	2.505.826.070
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		182.484.111	376.943.014
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		48.430.930	1.411.610.256
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	10.118.000	717.272.800
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		61.754.137.074	71.708.500.535
210	<i>I. Phải thu dài hạn</i>		27.000.000	27.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		27.000.000	27.000.000
220	<i>II. Tài sản cố định</i>		58.831.577.892	59.485.338.220
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	52.724.410.701	53.207.653.273
222	Nguyên giá		116.414.786.892	109.661.142.483
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(63.690.376.191)	(56.453.489.210)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	6.107.167.191	6.277.684.947
228	Nguyên giá		7.561.413.979	7.561.413.979
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.454.246.788)	(1.283.729.032)
230	<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	10	353.021.065	370.034.125
231	1. Nguyên giá		5.901.321.000	5.901.321.000
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(5.548.299.935)	(5.531.286.875)
240	<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>		1.532.300.000	4.848.130.650
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.532.300.000	4.848.130.650
250	<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>		68.000.000	4.262.990.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11	68.000.000	4.262.990.000
260	<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>		942.238.117	2.715.007.540
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	900.413.213	2.610.663.080
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	25.2	41.824.904	104.344.460
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		137.481.280.131	170.172.231.963

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		18.475.399.005	57.140.915.663
310	<i>I. Nợ ngắn hạn</i>		18.219.895.210	56.666.622.663
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	2.700.530.067	8.138.925.749
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		245.003.417	756.852.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.869.331.354	1.430.895.114
314	4. Phải trả người lao động		7.157.644	448.569.352
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	699.815.577	572.280.150
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	446.051.280	2.865.308.542
320	7. Vay ngắn hạn	17	11.226.179.023	42.018.376.211
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.025.826.848	435.415.545
330	<i>I. Nợ dài hạn</i>		255.503.795	474.293.000
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn		255.503.795	474.293.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		119.005.881.126	113.031.316.300
410	<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	18.1	119.005.881.126	113.031.316.300
411	1. Vốn cổ phần		46.500.000.000	46.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		46.500.000.000	46.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.195.000.000	24.195.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.443.195.585	11.200.599.541
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		33.867.685.541	31.135.716.759
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		18.389.710.564	9.414.065.337
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		15.477.974.977	21.721.651.422
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		137.481.280.131	170.172.231.963

Lê Quý Tân
Người lập

Vũ Tiến Đông
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu Oanh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	VND	
			Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	227.608.365.410	245.224.571.408
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(856.273.731)	(399.940.211)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	226.752.091.679	244.824.631.197
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(167.976.688.066)	(177.128.026.168)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		58.775.403.613	67.696.605.029
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	248.327.749	514.997.670
22	7. Chi phí tài chính	22	(1.970.349.616)	(2.688.002.916)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.854.584.267)	(2.484.596.640)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(24.927.985.481)	(25.094.446.954)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(11.467.982.982)	(11.141.078.705)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.657.413.283	29.288.074.124
31	11. Thu nhập khác	23	23.594.763	103.681.046
32	12. Chi phí khác	23	(110.038.228)	(844.826.332)
40	13. Lỗ khác	23	(86.443.465)	(741.145.286)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.570.969.818	28.546.928.838
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(5.030.475.285)	(6.929.621.876)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	25.2	(62.519.556)	104.344.460
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		15.477.974.977	21.721.651.422
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.4	2.829	3.974
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.4	2.829	3.974

Lê Quý Tân
Người lập

Vũ Tiến Đông
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu Oanh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	VND	
			Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Lợi nhuận kế toán trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		20.570.969.818	28.546.928.838
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư	8, 9, 10	7.424.417.797	6.148.033.215
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		253.663.568	(51.088.885)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(43.771.298)	(5.377.777)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(91.338.662)	(478.755.559)
06	Chi phí lãi vay	22	1.854.584.267	2.484.596.640
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		29.968.525.490	36.644.336.472
09	Giảm các khoản phải thu		12.772.515.809	6.926.770.418
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		12.028.176.578	(8.490.199.137)
11	Giảm các khoản phải trả		(3.788.911.213)	(4.438.381.041)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		1.904.708.770	(154.943.912)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.854.584.267)	(2.484.596.640)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.057.990.527)	(11.369.266.051)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.895.173.500)	(6.747.363.263)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		42.077.267.140	9.886.356.846
	II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(4.500.426.220)	(17.235.922.650)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	909.091
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(579.990.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.212.475.000	-
27	Lãi tiền gửi và cổ tức nhận được		73.853.662	102.844.968
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(214.097.558)	(17.712.158.591)
	III. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	17	103.119.351.096	108.724.419.558
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(133.911.548.284)	(100.094.795.777)
36	Cổ tức đã trả	18.2	(8.383.728.000)	(6.388.602.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(39.175.925.188)	2.241.021.781

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyền tiền thuần trong năm		2.687.244.394	(5.584.779.964)
60	Tiền đầu năm		11.899.894.859	17.481.703.126
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		45.322.550	2.971.697
70	Tiền cuối năm	4	14.632.461.803	11.899.894.859

Lê Quý Tân
Người lập

Vũ Tiến Đông
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu Oanh
Tổng Giám đốc



Ngày 15 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 ("Công ty"), tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm 3/2, được thành lập theo Quyết định số 108/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 3 năm 1993. Công ty được chấp thuận chuyển sang hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 789/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ và chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103000613 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 24 tháng 9 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và cho thuê văn phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 601 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 343 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 336).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 30.

3.2 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.4 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	7 năm
Quyền sử dụng đất	43 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	35 năm
----------------------------	--------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

► Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chi tiêu sâu của Công ty.

► Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17 *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN

	VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	342.144.993	62.939.908	
Tiền gửi ngân hàng	<u>14.290.316.810</u>	<u>11.836.954.951</u>	
TỔNG CỘNG	14.632.461.803	11.899.894.859	

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGÂN HẠN

	VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng			
Công ty TNHH Dược Phẩm Thái Tú	2.738.605.485	-	
Các khách hàng khác	<u>21.865.872.923</u>	<u>34.891.528.228</u>	
TỔNG CỘNG	24.604.478.408	34.891.528.228	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.519.223.946)	(1.284.218.125)	
GIÁ TRỊ THUẦN	23.085.254.462	33.607.310.103	

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.284.218.125	1.325.307.010	
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	407.325.314	33.087.223	
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(172.319.493)</u>	<u>(74.176.108)</u>	
Số cuối năm	<u>1.519.223.946</u>	<u>1.284.218.125</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược	200.104.227	184.691.356	
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	105.728.284	-	
Phải thu khác	562.067.940	1.017.354.735	
TỔNG CỘNG	867.900.451	1.202.046.091	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(241.918.971)	(252.845.495)	
GIÁ TRỊ THUẦN	625.981.480	949.200.596	

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	252.845.495	262.845.495	
<i>Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm</i>	(10.926.524)	(10.000.000)	
Số cuối năm	241.918.971	252.845.495	

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	17.185.863.888	17.598.427.741	
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	16.250.580.331	23.528.131.527	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.842.312.731	5.864.732.568	
Hàng hóa	128.435.273	1.152.595.274	
Hàng mua đang đi trên đường	851.142.600	1.140.284.600	
Công cụ, dụng cụ	16.300.424	21.248.090	
TỔNG CỘNG	37.274.635.247	49.305.419.800	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(248.373.476)	-	
GIÁ TRỊ THUẦN	37.026.261.771	49.305.419.800	

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VND	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-	
<i>Cộng: Dự phòng trích lập trong năm</i>	248.373.476	-	
Số cuối năm	248.373.476	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	V/NĐ Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	40.863.267.763	60.801.948.104	5.626.706.738	2.369.219.878	109.661.142.483
Mua trong năm	-	3.276.000.000	530.510.909	240.422.500	4.046.933.409
Xây dựng dở dang cơ bản hoàn thành	-	2.706.711.000	-	-	2.706.711.000
Số cuối năm	<u>40.863.267.763</u>	<u>66.784.659.104</u>	<u>6.157.217.647</u>	<u>2.609.642.378</u>	<u>116.414.786.892</u>
Trong đó: Đã khấu hao hết	514.982.713	21.788.344.444	2.916.664.373	1.726.599.878	26.946.591.408
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	8.322.686.571	42.465.689.233	3.778.835.301	1.886.278.105	56.453.489.210
Khấu hao trong năm	1.579.243.656	5.088.952.570	409.373.063	159.317.692	7.236.886.981
Số cuối năm	<u>9.901.930.227</u>	<u>47.554.641.803</u>	<u>4.188.208.364</u>	<u>2.045.595.797</u>	<u>63.690.376.191</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	32.540.581.192	18.336.258.871	1.847.871.437	482.941.773	53.207.653.273
Số cuối năm	30.961.337.536	19.230.017.301	1.969.009.283	564.046.581	52.724.410.701
Trong đó: Tài sản sử dụng để cầm cố / thế chấp (Thuyết minh số 17)	647.739.542	-	-	-	647.739.542



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>6.901.596.939</u>	<u>659.817.040</u>	<u>7.561.413.979</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	<u>900.698.350</u>	<u>383.030.682</u>	<u>1.283.729.032</u>
Hao mòn trong năm	<u>75.058.212</u>	<u>95.459.544</u>	<u>170.517.756</u>
Số cuối năm	<u>975.756.562</u>	<u>478.490.226</u>	<u>1.454.246.788</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>6.000.898.589</u>	<u>276.786.358</u>	<u>6.277.684.947</u>
Số cuối năm	<u>5.925.840.377</u>	<u>181.326.814</u>	<u>6.107.167.191</u>

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>VND</i>
Nguyên giá		
Số đầu năm và số cuối năm		<u>5.901.321.000</u>
<i>Trong đó:</i>		
Đã khấu hao hết		<u>5.057.904.800</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm		<u>5.531.286.875</u>
Khấu hao trong năm		<u>17.013.060</u>
Số cuối năm		<u>5.548.299.935</u>
Giá trị còn lại		
Số đầu năm		<u>370.034.125</u>
Số cuối năm		<u>353.021.065</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

11. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9	12.375	68.000.000	12.375	68.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	-	-	176.998	2.194.990.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	-	-	100.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Kim Long	-	-	100.000	1.000.000.000
TỔNG CỘNG		68.000.000		4.262.990.000

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	VND	Số đầu năm
Chi phí cải tạo nhà máy	457.049.733	1.811.106.265	
Công cụ, dụng cụ	239.196.818	204.640.144	
Khác	204.166.662	594.916.671	
TỔNG CỘNG	900.413.213		2.610.663.080

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND	Số đầu năm
Phả trả người bán			
Công ty Cổ phần Bao bì ATP	1.048.241.920	56.210.000	
MEGGLE USA, Inc.	848.610.000	-	
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại & In bao bì Tân Hải Thành	280.736.885	721.415.970	
Phả trả người bán khác	522.941.262	7.361.299.779	
TỔNG CỘNG	2.700.530.067		8.138.925.749

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	VND Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25.1)	1.324.516.357	5.030.475.285	(5.057.990.527)	1.297.001.115
Thuế thu nhập cá nhân	106.378.757	2.133.258.922	(1.967.191.776)	272.445.903
Thuế giá trị gia tăng	-	12.333.389.118	(12.033.504.782)	299.884.336
TỔNG CỘNG	1.430.895.114	19.497.123.325	(19.058.687.085)	1.869.331.354

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Chi phí hoa hồng	509.939.636	422.280.150	
Phi dịch vụ chuyên nghiệp	100.000.000	150.000.000	
Chi phí khác	89.875.941	-	
TỔNG CỘNG	699.815.577	572.280.150	

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Bảo hiểm xã hội	92.204.147	5.466.557	
Cỗ tức phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	2.803.728.000	
Các khoản phải trả khác	353.847.133	56.113.985	
446.051.280	2.865.308.542		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

17. VAY NGÂN HẠN

	Số đầu năm	Vay	Trả nợ vay	VND Số cuối năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	42.018.376.211	103.119.351.096	(133.911.548.284)	11.226.179.023

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	11.226.179.023	Từ ngày 28 tháng 2 năm 2016 đến ngày 29 tháng 3 năm 2016	6,2%	Tòa nhà văn phòng với giá trị còn lại là 647.739.542 VND tại số 601 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng Lợi nhuận sau thuế tài chính chưa phân phối	Tổng cộng
<i>Năm trước</i>					
Số đầu năm	46.500.000.000	24.195.000.000	5.889.580.104	4.035.909.608	24.437.577.694
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	21.721.651.422
Thu lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.135.872.764) (1.738.637.474) (3.433.892.290)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Sử dụng quỹ	-	-	4.709.002.119	-	(4.709.002.119)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	(7.440.000.000)
Cổ tức đắc công bố	-	-	-	-	(7.440.000.000)
Số cuối năm	<u>46.500.000.000</u>	<u>24.195.000.000</u>	<u>10.598.582.223</u>	<u>602.017.318</u>	<u>31.135.716.759</u>
<i>Năm nay:</i>					
Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	46.500.000.000	24.195.000.000	10.598.582.223	602.017.318	31.135.716.759
Trình bày lại (Thuyết minh số 30)	-	-	<u>602.017.318</u>	<u>(602.017.318)</u>	-
Số đầu năm (Được trình bày lại)	46.500.000.000	24.195.000.000	11.200.599.541	-	31.135.716.759
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	15.477.974.977
Thu lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.018.865.348) (2.904.544.803) (3.242.596.044) (5.580.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ	-	-	3.242.596.044	-	-
Cổ tức đắc công bố	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>46.500.000.000</u>	<u>24.195.000.000</u>	<u>14.443.195.585</u>	<u>-</u>	<u>33.867.685.541</u>
					<u>119.005.881.126</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Số cuối năm	VND	Số đầu năm
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu			
Vốn góp đầu năm và cuối năm	46.500.000.000		<u>46.500.000.000</u>
Cổ tức đã công bố	5.580.000.000	7.440.000.000	
Cổ tức đã trả	8.383.728.000	6.388.602.000	

18.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	4.650.000	46.500.000.000	4.650.000	46.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	4.650.000	46.500.000.000	4.650.000	46.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.650.000	46.500.000.000	4.650.000	46.500.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu.

18.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước (điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế (VND)	15.477.974.977	21.721.651.422
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	<u>2.321.696.247</u>	<u>3.242.596.044</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.156.278.730	18.479.055.378
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	4.650.000	4.650.000
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
- Lãi cơ bản	2.829	3.974
- Lãi suy giảm	2.829	3.974

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập năm nay với tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2015 ngày 23 tháng 4 năm 2015. Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm trước theo Nghị Quyết trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	227.608.365.410	245.224.571.408
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	221.009.717.953	222.842.189.244
Doanh thu bán hàng hóa	3.480.148.095	10.276.890.944
Doanh thu bán nguyên vật liệu	1.419.487.808	8.269.546.905
Doanh thu khác	1.699.011.554	3.835.944.315
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	(856.273.731)	(399.940.211)
Doanh thu thuần	226.752.091.679	244.824.631.197

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	156.989.087	37.151.202
Lãi tiền gửi	51.611.162	102.844.968
Cổ tức được chia	22.242.500	375.001.500
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	17.485.000	-
TỔNG CỘNG	248.327.749	514.997.670

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm	162.595.232.871	158.821.748.067
Giá vốn của hàng hóa	3.669.087.132	8.955.719.392
Giá vốn của nguyên vật liệu	1.387.988.203	8.082.473.358
Giá vốn khác	324.379.860	1.268.085.351
TỔNG CỘNG	167.976.688.066	177.128.026.168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng	24.927.985.481	25.094.446.954
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí nhân viên	10.580.101.171	9.185.891.248
Chi phí hoa hồng	3.981.236.463	6.365.527.481
Chi phí vận chuyển	2.816.249.457	2.957.791.797
Chi phí bán hàng khác	7.550.398.390	6.585.236.428
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.467.982.982	11.141.078.705
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí nhân viên	5.015.269.019	3.895.867.335
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	2.561.089.508	1.802.899.747
Chi phí trợ cấp thôi việc	1.129.560.795	281.572.311
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.762.063.660	5.160.739.312

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	1.854.584.267	2.484.596.640
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	115.765.349	203.406.276
TỔNG CỘNG	1.970.349.616	2.688.002.916

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	23.594.763	103.681.046
Khác	23.594.763	103.681.046
Chi phí khác	(110.038.228)	(844.826.332)
Tiền phạt thuế	(73.789.852)	(782.648.225)
Khác	(36.248.376)	(62.178.107)
GIÁ TRỊ THUẦN	(86.443.465)	(741.145.286)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	109.396.150.190	124.989.179.199
Chi phí nhân công	39.941.922.674	35.086.059.364
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	8.816.198.949	8.268.618.075
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8, 9 và 10)	7.424.417.797	6.148.033.215
Chi phí khác	29.846.625.876	31.369.121.583
TỔNG CỘNG	195.425.315.486	205.861.011.436

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kê toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	20.570.969.818	28.546.928.838
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận trước thuế		
Chi phí không được khấu trừ	2.933.237.909	3.991.396.249
Cỗ tức được chia	(22.242.500)	(375.001.500)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(46.379.273)	(2.971.697)
Thay đổi trợ cấp thôi việc phải trả	(218.789.205)	474.293.000
Các khoản khác	(351.000.000)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	22.865.796.749	32.634.644.890
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	5.030.475.285	7.179.621.876
Thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(250.000.000)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.030.475.285	6.929.621.876
Thuế TNDN phải trả đầu năm	1.324.516.357	5.764.160.532
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(5.057.990.527)	(11.369.266.051)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	1.297.001.115	1.324.516.357

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước	
Trợ cấp thõi việc phải trả Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	51.100.759	104.344.460	(53.243.701)	104.344.460	
	(9.275.855)		-	(9.275.855)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	41.824.904	104.344.460			
<i>(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>			(62.519.556)	104.344.460	

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Zeria Pharmaceutical Co., Ltd	Cổ đông lớn	Chi hộ	267.258.588	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	2.001.965.400	4.556.058.000

Thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc	1.018.865.348 3.492.233.984	836.250.530 3.179.366.825
TỔNG CỘNG	4.511.099.332	4.015.617.355

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>					
Zeria Pharmaceutical Co., Ltd	Cổ đông lớn	Chi hộ	105.728.284	-	
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>					
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	-	2.803.728.000	

27. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt, tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh Doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh Doanh và khu vực địa lý. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc không trình bày thông tin theo bộ phận.

28. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất tại Thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Dưới 1 năm	1.051.718.000	1.456.206.520	
Từ 1 đến 5 năm	4.206.872.000	4.209.674.081	
Trên 5 năm	26.233.209.000	26.787.659.856	
TỔNG CỘNG	31.491.799.000	32.453.540.457	

Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản cam kết góp vốn bằng tiền, các quyền thuê đất và các tài sản trên đất với tổng giá trị là 50 tỷ VND liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào các công ty khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

29. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	136.595	58.650

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính của năm nay. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	VND Số đầu năm (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Phải thu ngắn hạn khác	906.842.495	295.203.596	1.202.046.091
Tài sản ngắn hạn khác	295.203.596	(295.203.596)	-
Phải trả dài hạn khác	474.293.000	(474.293.000)	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	474.293.000	474.293.000
Quỹ đầu tư phát triển	10.598.582.223	602.017.318	11.200.599.541
Quỹ dự phòng tài chính	602.017.318	(602.017.318)	-

	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm trước (được trình bày lại)
--	---	---------------	-----------------------------------

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(162.315.435.485)	(14.812.590.683)	(177.128.026.168)
Chi phí bán hàng	(40.086.187.304)	14.991.740.350	(25.094.446.954)
Thu nhập khác	798.779.685	(695.098.639)	103.681.046
Chi phí khác	(1.360.775.304)	515.948.972	(844.826.332)

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾ THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.

Lê Quý Tân
Người lập

Vũ Tiến Đông
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu Oanh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

